

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 723/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2024

V/v trAh chấp ly hôn

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Th.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị T.
2. Bà Võ Phương Tr.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chiêm Tiền Quý Nh - Thư ký, Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa: Bà Từ Ngọc H – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024, về trAh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông Bùi Minh H, sinh năm 1996;

Bị đơn: Bà Y Nguyễn T, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: phường Đ, quận T, Thành phố H. (Ông H và bà T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, ông Bùi Minh H, trình bày: Ông và bà Y Nguyễn T chung sống năm 2020, có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 51 ngày 03/3/2020 UBND phường Đ, quận T, Thành phố H cấp. Ông cho rằng trong quá trình chung sống thì có nhiều bất đồng quA điểm, không hòa hợp nên mâu thuẫn phát sinh trầm trọng không hàn gắn được. Đôi bên đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên ông có yêu cầu được ly hôn với bà T. Trong quá trình chung sống, ông và bà T không có 02 con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 22/8/2020 và Bùi Ngọc A, sinh ngày 04/12/2022. Ông đồng ý đồng ý giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ K và trẻ A. Ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng (3.000.000đồng/01con), cấp

dưỡng vào ngày 06 dương lịch hàng tháng cho đến khi các trẻ K và A lần lượt đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác không có nên ông không yêu cầu giải quyết.

Bà Y Nguyễn T, trình bày: Bà xác nhận những lời khai của ông H về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn là hoàn toàn đúng sự thật và không bổ sung gì thêm. Bà cho rằng trong quá trình chung sống thì có nhiều bất đồng quan điểm, không hòa hợp nên mâu thuẫn phát sinh không hàn gắn được, đôi bên đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Tuy nhiên, do con còn nhỏ nên bà không đồng ý ly hôn với ông H và cho rằng đến khi nào con lớn thì bà mới đồng ý ly hôn. Về con chung, bà T xác nhận có 02 con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 22/8/2020 và Bùi Ngọc A, sinh ngày 04/12/2022. Nếu ly hôn thì bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ K và trẻ A. Bà yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng (3.000.000đồng/01 con), cấp dưỡng vào ngày 06 dương lịch hàng tháng cho đến khi các trẻ K và A lần lượt đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác không có nên bà không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn: Ông Bùi Minh H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Bà Y Nguyễn T vẫn giữ ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 24/6/2024 và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuân thủ đúng pháp luật; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật.

Về nội dung: Ông H và bà T chung sống năm 2020, có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 51 ngày 03/3/2020 UBND phường Đ, quận T cấp. Trong quá trình chung sống, đôi bên phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được nên ông H có yêu cầu ly hôn với bà T. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H được ly hôn với bà T. Giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Bùi Minh K, sinh ngày 22/8/2020 và Bùi Ngọc A, sinh ngày 04/12/2022. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng (3.000.000đồng/01con), cấp dưỡng vào ngày 06 dương lịch hàng tháng cho đến khi các trẻ K và A lần lượt đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ

chung và các nghĩa vụ dân sự khác do các đương sự không có yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Bùi Minh H có đơn yêu cầu ly hôn với bà Y Nguyễn T, bị đơn có địa chỉ tại phường Đ, quận T. Đây là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

[1.1] Ông Bùi Minh H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Y Nguyễn T vẫn giữ ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 24/6/2024 và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Ông Bùi Minh H và bà Y Nguyễn T tự nguyện chung sống với nhau năm 2020, có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 51 ngày 03/3/2020 UBND phường Đ, quận T, Thành phố H cấp, đây là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do mâu thuẫn nên ông H có đơn yêu cầu ly hôn với bà T.

[2.1] Qua yêu cầu của ông H và ý kiến của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy, hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên cơ sở tình thương yêu của cả vợ và chồng, đôi bên phải thật sự tin yêu, tôn trọng và chăm sóc lẫn nhau nhưng hiện tại thì ông H đã không còn tha thiết chung sống với bà T nữa và ông H, bà T đều thừa nhận giữa đôi bên có mâu thuẫn không hàn gắn được và đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay.

Ngày 16/01/2024, Tòa án nhân dân quận T có văn bản tham khảo ý kiến về tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông H và bà T tại UBND phường Đ, quận T, có kết quả trả lời: *“Qua xác minh, hiện nay ông Bùi Minh H và bà Y Nguyễn T đang cư trú tại địa chỉ, phường Đ. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ tiền bạc, ...bất đồng trong lối sống. Ông H và bà T có 02 người con chung đang cư trú tại địa chỉ phường Đ. Qua rà soát, địa phương chưa từng giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn, hòa giải giữa ông H và bà T”*.

Tòa án đã nhiều lần hòa giải, tác động để đôi bên được hàn gắn, đoàn tụ nhưng ông H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với bà T, còn bà T thừa nhận giữa đôi bên có mâu thuẫn không hàn gắn được, đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay nhưng cho rằng do con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn, đến khi nào con lớn thì bà mới đồng ý ly hôn với ông H. Từ đó cho thấy, ông H và bà T không còn quan tâm đến nhau nữa, tình cảm vợ chồng đã thật sự phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc tiếp tục chung sống là không còn ý nghĩa mà có thể tác động xấu đến sự phát triển của các con chung.

Từ những nhận định trên, nên yêu cầu ly hôn của ông Bùi Minh H đối với bà Y Nguyễn T là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ nhưng phải dựa trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, ông H với bà T có 02 con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 22/8/2020 và Bùi Ngọc A, sinh ngày 04/12/2022. Hiện nay, các trẻ K và A đang được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng (3.000.000đồng/01con), cấp dưỡng vào ngày 06 dương lịch hàng tháng cho đến khi các trẻ K và A lần lượt đủ 18 tuổi.

Xét thấy, các con chung là trẻ K và A còn rất nhỏ, đang được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, để đảm bảo sự ổn định cuộc sống hiện tại của con chung, không làm ảnh hưởng đến tâm lý và để đảm bảo việc phát triển tốt về mọi mặt của trẻ, yêu cầu này của bà T cũng được ông H đồng ý, nên giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là cần thiết.

Từ những nhận định trên, đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng (3.000.000đồng/01con), cấp dưỡng vào ngày 06 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện cấp dưỡng vào 06/7/2024 cho đến khi các trẻ K và A lần lượt đủ 18 tuổi của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: Ông H và bà T cùng xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H được ly hôn với bà T. Giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Bùi Minh K, sinh ngày 22/8/2020 và Bùi Ngọc A, sinh ngày 04/12/2022. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng (3.000.000đồng/01con), cấp dưỡng vào ngày 06 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện cấp dưỡng vào 06/7/2024 cho đến khi các trẻ K và A lần lượt đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác do các đương sự không có yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tại phiên tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên ông Bùi Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và do phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 220; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016 của UBTVQH.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Minh H.

1.1. Về quA hệ hôn nhân: Ông Bùi Minh H được ly hôn với bà Y Nguyễn T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 51 ngày 03/3/2020 UBND phường Đ, quận T, Thành phố H cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao cho bà Y Nguyễn T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 22/8/2020 và Bùi Ngọc A, sinh ngày 04/12/2022. Ông Bùi Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng (3.000.000đồng/01con), cấp dưỡng vào ngày 06 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện cấp dưỡng vào 06/7/2024 cho đến khi các trẻ K và A lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Bùi Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: Ông Bùi Minh H và bà Y Nguyễn T cùng xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

2. Về án phí: Ông Bùi Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0027259 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H. Ông Bùi Minh H còn phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại địa phương.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAD TP.H;
- VKSND quận T;
- CC THADS quận T;
- Cơ quA đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ; VP (Nh).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Th